

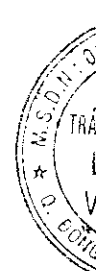
**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

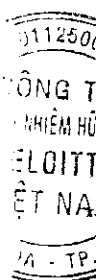
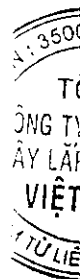
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 56



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Nguyễn Anh Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2015

Số: 0165 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 8 năm 2015, từ trang 5 đến trang 56. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Tổng Công ty đã hoàn nhập toàn bộ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 đối với khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và giá trị có thể thu hồi được từ khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết liên quan đến vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 43 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang và phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

### *Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)*

Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty có các khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến các thư bảo lãnh do Tổng Công ty phát hành. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải chấp các thư bảo lãnh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoảng 3.024 tỷ VND, dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 416 tỷ VND, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 1.357 tỷ VND và dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoảng 319 tỷ VND. Các vấn đề này ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Vũ Đức Nguyên  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 31 tháng 8 năm 2015*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Phạm Quỳnh Hoa  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				Phân loại lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.273.337.102.028</b>	<b>10.019.791.510.196</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>765.930.390.306</b>	<b>1.765.815.383.424</b>
1. Tiền	111		427.483.564.406	1.314.274.161.803
2. Các khoản tương đương tiền	112		338.446.825.900	451.541.221.621
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>69.866.877.315</b>	<b>93.011.049.600</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		211.998.085.200	253.643.133.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(148.711.348.141)	(160.632.084.200)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.580.140.256	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.855.388.712.240</b>	<b>3.792.790.794.264</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.603.259.103.192	1.701.853.433.701
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.512.640.085.343	2.418.617.788.289
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		114.511.169.735	114.511.169.735
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	728.127.234.343	666.995.759.892
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.106.462.290.448)	(1.112.394.741.625)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.313.410.075	3.207.384.272
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>4.197.924.631.466</b>	<b>3.982.191.847.154</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.316.502.474.800	4.125.414.267.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(118.577.843.334)	(143.222.420.361)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>384.226.490.701</b>	<b>385.982.435.754</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	30.036.298.724	17.065.869.850
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		289.075.873.405	280.436.254.483
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	38.860.923.072	38.675.101.909
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		26.253.395.500	49.805.209.512

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				Phân loại lại
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.242.727.629.965</b>	<b>5.717.169.748.946</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.120.192.018.783</b>	<b>637.554.999.467</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		187.381.903.968	169.448.618.086
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		2.810.294.338	2.810.294.338
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	13	504.156.498.658	504.156.498.658
4. Phải thu dài hạn khác	216	9	657.745.060.379	189.485.684.945
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(231.901.738.560)	(228.346.096.560)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.754.890.357.346</b>	<b>1.758.420.938.611</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.286.048.423.203	1.290.270.207.041
- Nguyên giá	222		1.748.205.629.458	1.701.694.578.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(462.157.206.255)	(411.424.371.014)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	72.002.364.646	69.209.953.887
- Nguyên giá	225		101.211.023.135	100.159.875.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(29.208.658.489)	(30.949.921.711)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	396.839.569.497	398.940.777.683
- Nguyên giá	228		414.972.372.442	414.972.372.442
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.132.802.945)	(16.031.594.759)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>17</b>	<b>126.807.790.261</b>	<b>105.724.312.697</b>
- Nguyên giá	231		133.924.327.105	110.708.341.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.116.536.844)	(4.984.028.803)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>18</b>	<b>2.246.133.531.890</b>	<b>2.195.187.524.745</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.310.863.853.424	1.267.403.375.089
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		935.269.678.466	927.784.149.656
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>313.394.459.937</b>	<b>345.576.929.014</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	19	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	20	241.721.480.279	261.255.484.579
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	21	244.949.968.199	249.949.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(173.276.988.541)	(165.628.523.764)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>681.309.471.748</b>	<b>674.705.044.412</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	325.082.984.791	319.340.588.224
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		54.597.405.611	50.639.553.304
3. Tài sản dài hạn khác	268		273.392.602.435	273.392.602.435
4. Lợi thế thương mại	269	22	28.236.478.911	31.332.300.449
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>14.516.064.731.993</b>	<b>15.736.961.259.142</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MÃ SỐ B 01a-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	Phân loại lại
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.673.781.564.763</b>	<b>12.879.578.814.892</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.629.861.910.736</b>	<b>10.982.638.953.393</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	2.230.424.582.746	2.361.960.223.489
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	4.094.399.949.236	5.383.864.345.478
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	119.576.871.275	100.796.602.326
4. Phải trả người lao động	314		124.205.748.128	121.977.557.228
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	701.780.158.652	671.099.645.571
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.434.688.260	4.892.723.700
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27	1.362.132.282.833	1.267.008.859.934
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28	978.125.018.812	1.069.295.087.103
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.782.610.794	1.743.908.564
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.043.919.654.027</b>	<b>1.896.939.861.499</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	2.610.367.288
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		57.075.244.921	148.781.860.539
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	26	144.815.808.484	73.926.727.446
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		140.650.667.366	144.912.447.044
5. Phải trả dài hạn khác	337		47.361.197.875	73.305.715.908
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29	1.588.868.063.512	1.412.218.649.951
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.959.665.131	8.542.391.943
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342		57.189.006.738	32.641.701.380
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.842.283.167.230</b>	<b>2.857.382.444.250</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.842.283.167.230</b>	<b>2.857.382.444.250</b>
1. Vốn điều lệ	411	30	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	30	76.921.472	76.921.472
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	30	3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	415	30	(2.862.795.798)	(2.862.795.798)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	30	167.986.713.993	151.670.813.830
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	30	2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421	30	(3.024.378.021.290)	(3.002.669.857.120)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.031.315.068.220)	(3.018.103.852.135)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		6.937.046.930	15.433.995.015
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.096.016.690.377	1.705.941.673.390
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>14.516.064.731.993</b>	<b>15.736.961.259.142</b>

*Bùi Hoàng Giang*

Bùi Hoàng Giang  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2015

*Lưu Đức Hoàng*

Lưu Đức Hoàng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 02a-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.404.151.103.022	2.985.932.336.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		220.151.960	7.010.456.094
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	33	5.403.930.951.062	2.978.921.880.618
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	5.141.275.316.812	2.878.481.646.804
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		262.655.634.250	100.440.233.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	28.024.098.177	307.955.033.015
7. Chi phí tài chính	22	36	92.270.152.596	349.648.239.416
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.181.710.008	33.151.655.540
8. (Lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	24		(24.534.004.300)	(11.166.191.034)
9. Chi phí bán hàng	25		561.372.085	4.192.460.720
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		138.325.277.687	434.898.184.910
11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		34.988.925.759	(391.509.809.251)
12. Thu nhập khác	31		10.393.598.607	36.680.136.993
13. Chi phí khác	32		11.429.753.543	28.897.817.638
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.036.154.936)	7.782.319.355
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		33.952.770.823	(383.727.489.896)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	28.626.482.381	18.093.870.803
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(4.540.579.120)	17.050.303.575
18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.866.867.562	(418.871.664.274)
<i>Phân phối cho</i>				
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		2.929.820.632	(63.505.703.701)
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		6.937.046.930	(355.365.960.573)
19. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	39		(888)

  
**Bùi Hoàng Giang**  
 Người lập biểu

  
**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Anh Minh**  
 Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</i>	01	33.952.770.823	(383.727.489.896)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	57.460.386.439	59.179.742.244
Các khoản dự phòng	03	(31.293.657.486)	289.826.317.052
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.001.888.833)	(2.104.273.297)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	12.958.550.928	(42.108.971.386)
Chi phí lãi vay	06	55.181.710.008	33.151.655.540
<i>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	121.257.871.879	(45.783.019.743)
Giảm các khoản phải thu	09	959.405.837.892	6.110.872.904
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(239.385.852.866)	156.424.994.881
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.311.661.336.579)	(169.898.039.506)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(18.712.825.441)	716.719.596.398
Tiền lãi vay đã trả	14	(75.694.860.905)	(59.759.765.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.077.888.484)	(20.561.334.189)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	30.809.604.461	3.794.127.823
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(495.044.743.122)	(611.233.406.887)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(1.053.104.193.165)</i>	<i>(24.185.973.745)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(61.623.923.773)	(37.718.411.042)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.821.207.909	28.338.544.156
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.050.000.000)	(15.037.216.228)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.769.524.445	-
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	16.473.400.000	50.266.157.682
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.802.326.180	20.597.749.514
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(32.807.465.239)</i>	<i>46.446.824.082</i>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 56 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
		đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.030.613.851.154	1.117.982.770.664
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(934.144.269.315)	(1.915.180.316.385)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(10.990.236.569)	(20.003.116.199)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>85.479.345.270</b>	<b>(817.200.661.920)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.000.432.313.134)</b>	<b>(794.939.811.583)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	547.320.016	(77.408.961)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	765.930.390.306	802.756.940.601

**Thông tin bổ sung**

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh bao gồm 468.456.451.400 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 là 507.236.282.675 VND) là số tiền ký quỹ giá trị còn lại của L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Bùi Hoàng Giang  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2015

Lưu Đức Hoàng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.330.000 VND, chiếm 54,54%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 4.135 người (31 tháng 12 năm 2014: 3.825 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty gồm có văn phòng và các ban điều hành, chi nhánh như sau: Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch, Ban điều hành các dự án PVC phía Nam, Ban điều hành dự án nhà máy sơ sợi tổng hợp Polyester, Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc và 9 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 19.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu kỳ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô) có dấu hiệu nghi ngờ về tính hoạt động liên tục do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, không có khả năng chi trả các khoản vay ngắn hạn và các công ty này có lỗ lũy kế hoặc/và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.024 tỷ VND, dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 416 tỷ VND, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 1.357 tỷ VND và dư nợ vay ngân hàng quá hạn là khoảng 319 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2015 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Tổng Công ty sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>
	Số năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

***Phần mềm máy tính***

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm/kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trong các năm 2012, 2013 và 2014, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể khấu trừ với lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tương ứng với số lỗ trên do Tổng Công ty không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3500  
TỔ  
G TY  
LẮP  
VIỆT  
LIÊN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.571.362.465	7.722.633.897
Tiền gửi ngân hàng (i)	409.907.201.941	1.306.551.527.906
Tiền đang chuyển	10.005.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (ii)	338.446.825.900	451.541.221.621
	<u>765.930.390.306</u>	<u>1.765.815.383.424</u>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm số tiền 56.202.804.621 VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (“OceanBank”) đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản OceanBank và chuyển đổi mô hình hoạt động OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương do Nhà nước làm chủ sở hữu nên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, bao gồm số tiền 70.300.000.000 VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>211.998.085.200</b>	<b>148.711.348.141</b>	<b>253.643.133.800</b>	<b>160.632.084.200</b>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico</i>	136.068.065.000	93.712.849.000	136.068.065.000	83.124.045.000
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)</i>	49.200.000.000	38.400.000.000	49.200.000.000	35.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC</i>	-	-	30.000.000.000	21.900.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (PHH)</i>	2.869.900.000	1.304.500.000	13.200.000.000	5.760.000.000
<i>Khác</i>	9.260.120.200	1.408.999.141	10.575.068.800	363.039.200
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>6.580.140.256</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	6.580.140.256	-	-	-

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	659.120.799.454	669.156.253.349
Phải thu các bên khác	944.138.303.738	1.032.697.180.352
	<u>1.603.259.103.192</u>	<u>1.701.853.433.701</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	277.147.928.725	277.147.928.725
FLSmith Wadgassen	174.599.500.950	174.599.500.950
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	167.929.396.370	246.661.731.693
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	112.839.334.990	112.839.334.990
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	95.955.077.345	131.749.756.306
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	94.654.634.923	106.399.634.923
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC-Trường Sơn	45.679.100.921	46.739.161.921
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	43.302.929.463	43.302.929.463
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	40.760.312.769	44.395.984.812
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	36.988.177.853	36.988.177.853
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	27.426.673.819
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	26.171.741.846	27.387.208.976
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	21.573.353.320	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	18.570.182.217	18.570.182.217
Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Châu	18.225.293.968	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PACIFIC	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	14.820.000.000	14.820.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	14.556.466.443	14.556.466.443
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	13.430.927.135	13.430.927.135
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	12.507.043.588	-
Công ty Cổ phần phát triển Mê Kông	11.429.978.899	11.429.978.899
Công ty Công nghiệp DEALIM	-	871.808.649.161
Các nhà cung cấp khác	186.856.160.499	141.147.690.703
	<b>1.512.640.085.343</b>	<b>2.418.617.788.289</b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>728.127.234.343</b>	<b>666.995.759.892</b>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	33.261.533.894	34.761.532.964
- Phải thu người lao động	56.185.563.724	51.786.490.745
- Ký cược, ký quỹ	133.366.020.404	137.509.219.743
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	91.468.656.510	91.468.656.510
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	128.964.183.678	124.013.675.042
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu khác	238.647.497.977	181.222.406.732
<b>b. Dài hạn</b>	<b>657.745.060.379</b>	<b>189.485.684.945</b>
- Ký cược, ký quỹ	631.776.118.378	171.091.001.876
- Phải thu khác	25.968.942.001	18.394.683.069
	<b>1.385.872.294.722</b>	<b>856.481.444.837</b>

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 42).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (ii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

**10. NỢ XẤU**

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	295.215.532.804	103.143.317.564	317.533.841.975	124.903.182.771
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	220.212.980.557	110.274.670.267	219.191.643.621	111.094.826.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	183.381.705.534	5.199.764.974	183.381.705.534	27.419.507.603
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	150.225.797.369	28.914.977.585	148.951.712.592	33.332.487.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	116.373.678.167	105.810.340.000	115.767.136.834	107.652.840.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	115.763.500.000	-	115.763.500.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	99.947.815.704	75.157.130.800	100.552.631.134	38.822.230.181
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	74.619.205.021	10.922.183.910	76.789.499.857	15.581.491.594
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	73.289.905.815	7.296.910.266	78.346.624.128	15.300.416.693
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	60.282.835.564	1.675.750.622	94.454.967.945	11.646.894.432
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	60.087.416.072	31.149.066.709	60.087.416.072	43.235.929.089
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	45.477.848.975	-	45.477.848.975	-
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	40.000.000.000	19.200.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	39.213.925.313	-	39.213.925.313	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	29.606.816.312	416.847.184	27.778.457.351	5.127.226.246
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí 2	28.026.673.819	-	-	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng VINABENNY	27.818.196.227	10.013.213.414	27.818.196.227	10.013.213.414
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	1.672.797.000	23.575.990.000	7.072.797.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	7.750.000.000	15.500.000.000	7.750.000.000
Đội xây dựng số 5 - PVC Mekong	15.047.440.777	3.327.370.636	15.047.440.777	3.327.370.636
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng	10.366.254.436	-	10.366.254.436	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	9.867.414.969	-	9.867.414.969	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu Khí	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hòa Bình	6.147.406.441	75.626.841	6.147.406.441	75.626.841
Bệnh viện Việt Nam Cu Ba	3.819.490.482	-	3.819.490.482	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.719.897.842	-	3.719.897.842	1.115.969.353
Ban Quản lý dự án 5B - Cảng xuất Sản phẩm Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	3.658.243.771	-	3.658.243.771	-
Đội xây dựng số 9 - PVC Mekong	3.401.512.078	107.197.321	3.401.512.078	107.197.321

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. NỢ XẤU (Tiếp theo)**

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) bao gồm khoảng 73,9 tỷ VND giá trị chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xi măng 12/9 (nay là Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An) cho PVNC. Tháng 3 năm 2015, PVNC đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (Hoàng Phát Vissai) để thanh toán cho khoản tiền PVNC nợ Tổng Công ty. Tổng Công ty đã đánh giá khoản phải thu này có thể thu hồi và hoàn nhập toàn bộ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với khoản phải thu này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên vẫn đang trong quá trình thực hiện hợp đồng này.

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.935.123.958	616.207.902	72.239.888.895	616.207.902
Công cụ, dụng cụ	5.920.467.848	263.786.136	8.516.287.585	282.599.940
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	3.802.228.982.076	59.475.934.439	3.543.487.500.904	85.891.808.701
Thành phẩm	8.781.065.896	-	10.293.533.859	-
Hàng hoá	56.482.188	-	39.725.877	-
Hàng hoá bất động sản	470.580.352.834	58.221.914.857	490.837.330.395	56.431.803.818
	<b>4.316.502.474.800</b>	<b>118.577.843.334</b>	<b>4.125.414.267.515</b>	<b>143.222.420.361</b>

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	2.390.599.187.475	2.118.807.715.306
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	294.550.022.206	320.611.051.744
Dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú - Quận 7 - TP. HCM (ii)	411.724.661.051	411.724.661.051
Viện Dầu khí Việt Nam	118.396.803.239	109.014.395.323
Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	77.195.339.959	56.970.683.089
Các công trình khác	509.762.968.146	526.358.994.391
	<b>3.802.228.982.076</b>	<b>3.543.487.500.904</b>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 43 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú của Petroland (Công ty con của Tổng Công ty) tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã chậm tiến độ bàn giao căn hộ với thời gian chậm bàn giao trên 2 năm theo thỏa thuận trong hợp đồng với các người mua. Nguyên nhân chậm bàn giao là do Nhà thầu thi công khó khăn về tài chính dẫn đến ngưng công trình giữa chừng. Petroland sẽ phạt nhà thầu vi phạm hợp đồng dẫn đến chậm bàn giao nhà cho khách hàng. Theo tiến độ thì Petroland sẽ bắt đầu bàn giao căn hộ cho người mua từ quý 3 năm 2015. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định vẫn trình bày số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang công trình này là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.500.010.418	8.398.981.413
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.536.288.306	8.666.888.437
	<u>30.036.298.724</u>	<u>17.065.869.850</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	94.683.469.032	98.868.373.728
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	73.509.769.073	81.531.742.812
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	64.226.984.359	48.516.636.857
Chi phí dịch vụ bán hàng (căn hộ) qua sàn giao dịch BĐS	41.061.565.059	41.003.196.544
Lợi thế kinh doanh	40.585.917.138	41.635.063.856
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.015.280.130	7.785.574.427
	<u>325.082.984.791</u>	<u>319.340.588.224</u>

**13. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	103.800.000.000	200.000.000.000	103.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	121.268.295.671	179.912.859.769	121.268.295.671
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	101.620.000.000	4.491.604.000	101.620.000.000	2.042.562.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	2.341.838.889	22.623.638.889	1.235.238.889
	<u>504.156.498.658</u>	<u>231.901.738.560</u>	<u>504.156.498.658</u>	<u>228.346.096.560</u>

Số dư phải thu các công ty về cho vay dài hạn thể hiện số tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) tiền nhận chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 và số tiền Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh theo Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã làm việc với các công ty này đồng thời đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>1.221.248.955.355</b>	<b>292.949.176.977</b>	<b>145.612.481.268</b>	<b>41.327.970.955</b>	<b>555.993.500</b>	<b>1.701.694.578.055</b>
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.562.199.999	-	-	-	-	25.562.199.999
Mua sắm mới	1.679.500.000	9.403.334.768	-	2.179.519.027	-	13.262.353.795
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	15.611.698.237	-	-	15.611.698.237
Tăng khác	1.420.292.727	-	-	-	-	1.420.292.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.247.773.322)	(3.276.173.102)	(202.000.000)	-	(5.725.946.424)
Phân loại lại	-	(6.245.428.000)	10.320.432.987	(4.075.004.987)	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.619.546.931)	-	-	-	-	(3.619.546.931)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>1.246.291.401.150</b>	<b>293.859.310.423</b>	<b>168.268.439.390</b>	<b>39.230.484.995</b>	<b>555.993.500</b>	<b>1.748.205.629.458</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>119.021.360.748</b>	<b>160.411.109.579</b>	<b>98.876.491.867</b>	<b>32.851.250.152</b>	<b>264.158.668</b>	<b>411.424.371.014</b>
Trích khấu hao trong kỳ	24.737.493.114	12.127.100.990	8.669.252.016	1.714.816.447	35.274.840	47.283.937.407
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	8.067.003.369	-	-	8.067.003.369
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.648.050.675)	(2.411.630.718)	(175.416.800)	-	(4.235.098.193)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(383.007.342)	-	-	-	-	(383.007.342)
Phân loại lại	-	(2.677.102.650)	4.477.656.803	(1.800.554.153)	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>143.375.846.520</b>	<b>168.213.057.244</b>	<b>117.678.773.337</b>	<b>32.590.095.646</b>	<b>299.433.508</b>	<b>462.157.206.255</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>1.102.915.554.630</b>	<b>125.646.253.179</b>	<b>50.589.666.053</b>	<b>6.640.389.349</b>	<b>256.559.992</b>	<b>1.286.048.423.203</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>1.102.227.594.607</b>	<b>132.538.067.398</b>	<b>46.735.989.401</b>	<b>8.476.720.803</b>	<b>291.834.832</b>	<b>1.290.270.207.041</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 461.570.381.143 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 973.900.375.885 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 142.144.043.922 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 117.219.987.872 VND).

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	15.985.901.963	84.173.973.635	100.159.875.598
Thuê tài chính trong kỳ	16.491.491.502	-	16.491.491.502
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(15.440.343.965)	(15.440.343.965)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>32.477.393.465</b>	<b>68.733.629.670</b>	<b>101.211.023.135</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.253.682.428	29.696.239.283	30.949.921.711
Khấu hao trong kỳ	1.752.935.604	4.572.804.543	6.325.740.147
Phân loại lại	1.151.235.206	(1.151.235.206)	-
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(8.067.003.369)	(8.067.003.369)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>4.157.853.238</b>	<b>25.050.805.251</b>	<b>29.208.658.489</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	28.319.540.227	43.682.824.419	72.002.364.646
Tại ngày 31/12/2014	14.732.219.535	54.477.734.352	69.209.953.887

**16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	397.145.684.060	17.796.688.382	30.000.000	414.972.372.442
Tại ngày 30/6/2015	397.145.684.060	17.796.688.382	30.000.000	414.972.372.442
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	4.043.444.424	11.958.150.335	30.000.000	16.031.594.759
Khấu hao trong kỳ	477.931.155	1.623.277.031	-	2.101.208.186
Phân loại lại	(1.294.389)	1.294.389	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>4.520.081.190</b>	<b>13.582.721.755</b>	<b>30.000.000</b>	<b>18.132.802.945</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2015	392.625.602.870	4.213.966.627	-	396.839.569.497
Tại ngày 31/12/2014	393.102.239.636	5.838.538.047	-	398.940.777.683

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (Tiếp theo)**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>		
- Mua sắm	1.500.101.588	1.448.401.588
- Xây dựng cơ bản	933.769.576.878	926.335.748.068
Trong đó:		
<i>Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh</i>	<i>227.195.415.684</i>	<i>230.465.674.152</i>
<i>Dự án Xuân Phương (i)</i>	<i>171.420.979.926</i>	<i>171.360.327.380</i>
<i>Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu</i>	<i>156.136.041.061</i>	<i>153.948.312.084</i>
<i>Công trình - Đầu tư Bất động sản Khu du lịch Thanh Bình P10</i>	<i>98.506.953.947</i>	<i>101.846.923.850</i>
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	<i>101.996.355.518</i>	<i>102.040.420.010</i>
<i>Công trình - Tòa nhà số 33 đường 30/4 Vũng Tàu</i>	<i>75.891.802.687</i>	<i>75.702.734.982</i>
<i>Khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí</i>	<i>41.722.660.294</i>	<i>37.383.286.989</i>
<i>Các công trình, dự án khác</i>	<i>60.899.367.761</i>	<i>53.588.068.621</i>
	<b><u>935.269.678.466</u></b>	<b><u>927.784.149.656</u></b>

- (i) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.
- (ii) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã có Quyết định số 238/QĐ-DKVN ngày 09 tháng 01 năm 2014 về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN về việc chuyển giao cho Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN có Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại dự án từ Tổng Công ty. Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ được PVN thanh toán đầy đủ cho các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở tổ chức lại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)/Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại PVC - Phú Đạt), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.

Theo Quyết định số 569/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	901.188.907.055	896.188.907.055
Lỗ lũy kế từ công ty liên kết	(659.467.426.776)	(634.933.422.476)
	<b>241.721.480.279</b>	<b>261.255.484.579</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 30/6/2015 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	2.600.000.000	26%	26%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG	Hà Nội	100.000.000.000	100.000.000.000	26%	26%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) (i)	Hải Phòng	63.900.000.000	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD) (i)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (ii)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	77.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
14	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	73.500.000.000	73.500.000.000	49%	49%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			<b>901.188.907.055</b>	<b>896.188.907.055</b>			



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

- (i) Theo Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN và Quyết định số 569/QĐ-XLĐK ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty sẽ thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở tái cơ cấu/tổ chức lại PVSD và PVC-Duyên Hải). Đồng thời Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con trong phương án tái cấu trúc đã được phê duyệt trong năm 2015 và 2016 thông qua các hình thức đấu giá công khai/chào bán cạnh tranh/thỏa thuận/giải thể/phá sản.
- (ii) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày tương ứng là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

**21. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Đầu tư dài hạn khác	Tỷ lệ phần		Tỷ lệ phần	
		30/6/2015	sở hữu	31/12/2014	sở hữu
		VND	%	VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
4	Công ty Cổ phần Hải Đăng	15.000.000.000	2%	15.000.000.000	2%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
7	Các khoản đầu tư dài hạn khác	19.685.000.000		24.685.000.000	
		<b>244.949.968.199</b>		<b>249.949.968.199</b>	

**22. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Lợi thế thương mại
	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	64.493.904.711
Tại ngày 30/6/2015	64.493.904.711
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	33.161.604.262
Phân bổ trong kỳ	3.095.821.538
Tại ngày 30/6/2015	36.257.425.800
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2015	28.236.478.911
Tại ngày 31/12/2014	31.332.300.449

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Công nghiệp DEALIM	473.612.936.047	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	176.179.097.064	176.179.097.064
Tập đoàn Sojitz	122.779.691.185	663.431.733.594
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	101.492.838.409	1.500.000.000
Công ty Boskalis Internationnal B.V	99.713.064.667	59.377.339.293
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	61.818.376.423	56.895.141.646
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	61.711.089.649	35.716.663.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	55.229.466.800	67.720.110.222
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	50.892.277.432	64.776.275.022
Công ty Cổ phần Thép Đất Việt	49.094.138.094	41.953.896.886
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	47.007.252.171	48.970.459.629
Tập đoàn Worley Parsons	45.873.280.865	89.132.685.798
Balanced Engineering & Construction Pte. Ltd.	44.077.616.217	12.443.942.547
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	35.651.753.457	574.874.438
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	17.250.255.607	6.162.807.661
Công ty Cổ phần TID	16.466.778.726	3.847.682.138
Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu Xây dựng số 15	16.287.294.795	29.009.250.105
Công ty TNHH Nghĩa Thành	11.960.809.600	12.636.623.500
Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà Thành phố Cần Thơ	11.303.250.000	11.303.250.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	10.541.459.740	17.564.745.710
Các khoản khác	605.508.516.987	846.790.306.265
	<u>2.230.424.582.746</u>	<u>2.361.960.223.489</u>

**24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chủ yếu bao gồm số tiền nhận trước từ Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với số tiền 2.673.567.423.583 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.836.621.594.448 VND) liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Phát sinh trong kỳ			30/6/2015 VND
	31/12/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.888.438.706	-	10.478.054	37.898.916.760
Thuế thu nhập cá nhân	772.395.829	28.615.700	20.907.100	764.687.229
Các loại thuế khác	14.267.374	21.859.609	204.911.318	197.319.083
<b>Cộng</b>	<b>38.675.101.909</b>	<b>50.475.309</b>	<b>236.296.472</b>	<b>38.860.923.072</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	72.524.095.804	316.284.199.959	303.343.204.905	85.465.090.858
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	33.666.580.536	32.696.919.104	969.661.432
Thuế nhập khẩu	-	584.801.361	584.801.361	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.275.172.177	28.841.837.339	24.077.888.484	20.039.121.032
Thuế thu nhập cá nhân	6.340.331.285	14.074.819.162	13.463.737.285	6.951.413.162
Tiền thuế đất	808.719.840	1.919.954.256	2.505.464.324	223.209.772
Thuế môn bài	-	66.000.000	66.000.000	-
Thuế khác	5.427.953.627	932.895.128	432.473.736	5.928.375.019
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	420.329.593	14.751.388.048	15.171.717.641	-
<b>Cộng</b>	<b>100.796.602.326</b>	<b>411.122.475.789</b>	<b>392.342.206.840</b>	<b>119.576.871.275</b>

**26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>701.780.158.652</b>	<b>671.099.645.571</b>
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	552.139.495.070	455.428.930.159
Chi phí trích trước lãi vay	116.769.023.796	191.192.013.388
Chi phí phải trả khác	32.871.639.786	24.478.702.024
<b>b) Dài hạn</b>	<b>144.815.808.484</b>	<b>73.926.727.446</b>
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	73.926.727.446	73.926.727.446
Chi phí trả trước lãi vay	70.889.081.038	-
	<b>846.595.967.136</b>	<b>745.026.373.017</b>

**27. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	206.690.430.513	206.690.430.513
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC (i)	155.601.441.596	193.751.441.596
Nhận đặt cọc ngắn hạn	86.839.966.225	86.839.966.225
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	81.120.182.046	76.281.343.205
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	65.009.860.837	65.009.860.837
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Sở Tài chính Hà Nội (iv)	41.405.472.584	41.405.472.584
Phải trả khách hàng thanh lý hợp đồng mua căn hộ	41.339.176.812	41.339.176.812
Phải trả tiền sử dụng đất	28.829.030.641	-
Lãi vay phải trả	18.749.995.024	6.109.060.387
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	586.546.726.555	499.582.107.775
	<b>1.362.132.282.833</b>	<b>1.267.008.859.934</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Khoản phải trả PTSC thể hiện số tiền PTSC đã đứng ra thanh toán hộ các thầu phụ tại công trình thi công nạo vét lần đầu các công trình biển - Dự án liên hiệp lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty khác theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 29.
- (iii) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) thể hiện số tiền PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Các khoản phải trả này đã quá hạn thanh toán từ năm 2011.
- (iv) Khoản phải trả Sở Tài chính Hà Nội thể hiện số tiền chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá bán chỉ định cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, Hà Nội sau khi trừ đi các khoản chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp Tổng Công ty đã nộp trong năm 2010.

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>684.870.146.741</b>	<b>576.003.101.778</b>	<b>871.957.504.617</b>	<b>832.511.531.737</b>	<b>724.316.119.621</b>	<b>543.602.626.628</b>
- Vay tại Công ty Mẹ (i)	40.700.000.000	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000
- Vay tại các công ty con	644.170.146.741	535.303.101.778	871.957.504.617	832.511.531.737	683.616.119.621	502.902.626.628
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>271.397.314.223</b>	<b>269.026.167.464</b>	<b>39.427.485.295</b>	<b>172.422.606.347</b>	<b>138.402.193.171</b>	<b>136.031.046.412</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	19.038.873.320	19.038.873.320	-	9.519.436.660	9.519.436.660	9.519.436.660
- Vay tại các công ty con	252.358.440.903	249.987.294.144	39.427.485.295	162.903.169.687	128.882.756.511	126.511.609.752
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>18.027.626.139</b>	<b>18.027.626.139</b>	<b>10.080.541.875</b>	<b>7.701.461.994</b>	<b>20.406.706.020</b>	<b>20.406.706.020</b>
- Nợ tại Công ty Mẹ	2.505.814.000	2.505.814.000	1.252.907.000	1.252.907.000	2.505.814.000	2.505.814.000
- Nợ tại các công ty con	15.521.812.139	15.521.812.139	8.827.634.875	6.448.554.994	17.900.892.020	17.900.892.020
<b>Trái phiếu đến kỳ hạn (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.069.295.087.103</b>	<b>863.056.895.381</b>	<b>921.465.531.787</b>	<b>1.012.635.600.078</b>	<b>978.125.018.812</b>	<b>700.040.379.060</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Dự nợ vay ngắn hạn tại Công ty mẹ Tổng Công ty thể hiện khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dự nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (i)	152.318.340.700	165.428.772.122
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	119.539.630.318	119.562.738.665
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	126.805.611.685	84.807.502.614
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	84.619.052.303	53.160.092.770
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu	62.467.018.553	40.292.883.228
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội	42.551.568.796	42.551.568.796
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	40.074.273.961	83.546.310.659
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	24.183.853.733	-
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	71.756.769.572	95.520.277.887
	<u>724.316.119.621</u>	<u>684.870.146.741</u>

- (i) Số dư các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBBank) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay của Petroland (công ty con của Tổng Công ty) tại MBBank - Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền khoảng 27,4 tỷ VND theo Hợp đồng số 3463.14.101.1893410.TD với thời hạn vay vốn một năm và chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền phải thu và khai thác sản thương mại tại dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú và tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng.

- Khoản vay của PVC-IC (công ty con của Tổng Công ty) tại MBBank - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1167.14.551.687848.TD.DN ngày 30 tháng 12 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu theo Hợp đồng Bảo đảm số 670.14.551.687848.TC.DN ngày 12 tháng 11 năm 2014 và 013.14.551.687848, đồng thời PVC-IC cũng dùng mọi nguồn thu phát sinh từ Dự án, phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của PVC-IC tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của PVC-IC trong toàn bộ thời gian hiệu lực của hợp đồng này. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Kế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 21 tháng 11 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) tại 30 tháng 6 năm 2015 là khoản vay của PVC Mekong (công ty con của Tổng Công ty) theo các Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHMI-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 với hạn mức vay là 320 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của PVC Mekong. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m<sup>2</sup> của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) - Chi nhánh Vũng Tàu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoản vay của PVC-IC (công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30158/HDHM/DN ngày 14 tháng 10 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút với số tiền tối đa là 280 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động về việc thi công công trình và phát hành thư bảo lãnh trong nước. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của PG Bank - Chi nhánh Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng kế ước. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này.

**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	1.667.144.927.964	1.667.144.927.964	141.683.622.231	102.193.759.763	1.706.634.790.432	1.706.634.790.432
- Vay tại Công ty Mẹ	974.072.855.303	974.072.855.303	-	9.519.436.660	964.553.418.643	964.553.418.643
- Vay tại các Công ty con	693.072.072.661	693.072.072.661	141.683.622.231	92.674.323.103	742.081.371.789	742.081.371.789
Nợ thuê tài chính dài hạn	34.498.662.349	34.498.662.349	19.386.653.491	12.843.143.569	41.042.172.271	41.042.172.271
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	8.770.339.008	8.770.339.008	1.252.907.000	2.505.814.000	7.517.432.008	7.517.432.008
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	25.728.323.341	25.728.323.341	18.133.746.491	10.337.329.569	33.524.740.263	33.524.740.263
Trái phiếu phát hành của PVC Land (Công ty con)	95.000.000.000	-	-	-	95.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.796.643.590.313</b>	<b>1.701.643.590.313</b>	<b>161.070.275.722</b>	<b>115.036.903.332</b>	<b>1.842.676.962.703</b>	<b>1.747.676.962.703</b>
Trung đ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	384.424.940.362				253.808.899.191	
Số phải trả sau 12 tháng	1.412.218.649.951				1.588.868.063.512	

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	281.997.611.559	295.910.930.219
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (iii)	278.100.000.000	291.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	90.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	45.820.000.000	-
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	55.683.196.890	124.800.015.762
	<b>1.706.634.790.432</b>	<b>1.667.144.927.964</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank)), thời điểm thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

(ii) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay dài hạn của Công ty mẹ - Tổng Công ty nhận chuyển nhượng lại từ PVC - ME (công ty liên kết của Tổng Công ty) theo Hợp đồng Chuyển giao quyền và nghĩa vụ ba bên giữa PVC - ME, Vietinbank - Chi nhánh Chương Dương và Tổng Công ty ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ trả nợ vay trung hạn tại Vietinbank - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND, thời hạn trả nợ khoản vay là ngày 03 tháng 9 năm 2015, lãi suất của khoản vay trong năm từ 10%/năm đến 11%/năm; và Tổng Công ty có quyền nhận chuyển nhượng một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải có giá trị còn lại được định giá 50.460.901.290 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn trên. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, PVC - ME vẫn chưa chuyển giao quyền sở hữu những tài sản này cho Tổng Công ty.

- Khoản vay của PVC-Petroland (công ty con của Tổng Công ty) tại Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 09.102035/HĐTD-TDH ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ VND nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Số dư các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chủ yếu là số dư khoản vay của PVC-MS (công ty con của Tổng Công ty) từ chi nhánh Đông Đô theo Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTD-LPBĐĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012, với hạn mức vay 480 tỷ VND (số dư vay tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015 là 278,1 tỷ VND). Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 72 tháng và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để tái tài trợ dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình - giai đoạn 2.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	138.402.193.171	271.397.314.223
Trong năm thứ hai	150.130.346.657	183.014.188.542
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.337.102.250.604	1.212.733.425.199
Sau năm năm	81.000.000.000	-
	<b>1.706.634.790.432</b>	<b>1.667.144.927.964</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	138.402.193.171	271.397.314.223
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.568.232.597.261</b>	<b>1.395.747.613.741</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	20.406.706.020	18.027.626.139
Trong năm thứ hai	8.497.746.133	13.017.390.742
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.137.720.118	3.453.645.468
	<u><b>41.042.172.271</b></u>	<u><b>34.498.662.349</b></u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng ( <i>được trình bày ở phần nợ ngắn hạn</i> )	20.406.706.020	18.027.626.139
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>20.635.466.251</b></u>	<u><b>16.471.036.210</b></u>

Trái phiếu thể hiện trái phiếu không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản phát hành bởi PVC Land (công ty con của Tổng Công ty). Bên mua trái phiếu phát hành là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Giá trị trái phiếu được phát hành theo Hợp đồng số 188-11/HĐĐMTP-HCM ngày 21 tháng 11 năm 2011 là 54 tỷ VND (tương đương 54 trái phiếu, mỗi trái phiếu 1 tỷ VND). Mục đích phát hành là để tái cơ cấu một phần khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 233-10/HĐTD-HCM ngày 12 tháng 8 năm 2010 giữa PVC Land và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Kỳ hạn trái phiếu theo Hợp đồng số 188-11/HĐĐMTP-HCM ngày 21 tháng 11 năm 2011 tối đa là 14 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 22 tháng 11 năm 2011). Ngày đáo hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2012, tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, trái phiếu đã quá hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và chưa được gia hạn. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi và định kỳ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Mức điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tại thời điểm điều chỉnh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	4.000.000.000.000	-	3.063.276.244	(3.352.536.660)	91.172.559.438	62.590.297.630	2.814.220.034	(3.035.894.633.587)	1.120.393.183.099
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	15.433.995.015	15.433.995.015
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.069.295.450	2.291.789.868	-	(10.170.406.365)	(3.809.321.047)
Biến động do mất quyền kiểm soát các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	33.100.112.473	33.100.112.473
Thay đổi do áp dụng TT 200	-	-	-	-	61.881.646.560	(61.881.646.560)	-	(1.052.635.140)	(1.052.635.140)
Tặng/(Giảm) khác	-	76.921.472	-	489.740.862	(5.452.687.618)	(3.000.440.938)	(651.807.802)	(4.086.289.516)	(12.624.563.540)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>76.921.472</b>	<b>3.063.276.244</b>	<b>(2.862.795.798)</b>	<b>151.670.813.830</b>	<b>-</b>	<b>2.162.412.232</b>	<b>(3.002.669.857.120)</b>	<b>1.151.440.770.860</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	6.937.046.930	6.937.046.930
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.672.043.306	-	-	(25.177.552.027)	(8.505.508.721)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	-	-	(356.143.143)	-	-	(3.467.659.073)	(3.823.802.216)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>76.921.472</b>	<b>3.063.276.244</b>	<b>(2.862.795.798)</b>	<b>167.986.713.993</b>	<b>-</b>	<b>2.162.412.232</b>	<b>(3.024.378.021.290)</b>	<b>1.146.048.506.853</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Vốn đã góp tại ngày</b>			
	<b>30/6/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.181.733.330.000	54,54	2.181.733.330.000	54,54
Các cổ đông khác	1.818.266.670.000	45,46	1.818.266.670.000	45,46
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận Xây lắp	- xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng	- kinh doanh nhà và hạ tầng;
Bộ phận dịch vụ và khác	- cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	<u>Xây lắp</u> VND	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng</u> VND	<u>Dịch vụ và khác</u> VND	<u>Loại trừ khi hợp nhất</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	12.045.957.712.518	3.083.952.449.488	774.013.950.375	(728.391.953.612)	15.175.532.158.769
Lỗi từ công ty liên kết	(659.467.426.776)				(659.467.426.776)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<u>14.516.064.731.993</u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	9.871.100.734.279	1.622.846.620.890	305.065.303.998	(125.231.094.404)	11.673.781.564.763
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<u>11.673.781.564.763</u>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	<u>Xây lắp</u> VND	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng</u> VND	<u>Dịch vụ và khác</u> VND	<u>Loại trừ khi hợp nhất</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	12.897.343.403.648	3.744.884.674.831	950.071.777.522	(1.220.405.174.383)	16.371.894.681.618
Lỗi từ công ty liên kết	(634.933.422.476)				(634.933.422.476)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<u>15.736.961.259.142</u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	10.955.712.041.492	2.168.304.975.493	291.948.916.677	(536.387.118.770)	12.879.578.814.892
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<u>12.879.578.814.892</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	<u>Xây lắp</u> VND	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng</u> VND	<u>Dịch vụ và khác</u> VND	<u>Loại trừ khi hợp nhất</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.898.527.017.164	19.378.659.521	103.886.367.480	(617.861.093.103)	5.403.930.951.062
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.625.982.258.158	24.540.399.489	88.398.356.401	(597.645.697.236)	5.141.275.316.812
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<u>272.544.759.006</u>	<u>(5.161.739.968)</u>	<u>15.488.011.079</u>	<u>(20.215.395.867)</u>	<u>262.655.634.250</u>
Chi phí không phân bổ					(138.886.649.772)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<u>123.768.984.478</u>
Phần lỗ trong công ty liên kết					(24.534.004.300)
Lỗ khác					(1.036.154.936)
Lỗ từ hoạt động tài chính					(64.246.054.419)
Lợi nhuận trước thuế					<u>33.952.770.823</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(24.085.903.261)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>					<u><u>9.866.867.562</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

	<u>Xây lắp</u> VND	<u>Kinh doanh nhà và hạ tầng</u> VND	<u>Dịch vụ và khác</u> VND	<u>Loại trừ khi hợp nhất</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.972.793.842.511	39.839.155.470	81.649.432.792	(115.360.550.155)	2.978.921.880.618
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.932.788.467.769	38.320.304.030	77.896.067.753	(170.523.192.748)	2.878.481.646.804
Kết quả kinh doanh bộ phận	<u>40.005.374.742</u>	<u>1.518.851.440</u>	<u>3.753.365.039</u>	<u>55.162.642.593</u>	<u>100.440.233.814</u>
Chi phí không phân bổ					(439.090.645.630)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					(338.650.411.816)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(11.166.191.034)
Lợi nhuận khác					7.782.319.355
Lỗ từ hoạt động tài chính					(41.693.206.401)
Lỗ trước thuế					<u>(383.727.489.896)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(35.144.174.378)
Lỗ trong kỳ					<u>(418.871.664.274)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Miền Bắc	4.162.611.901.389	1.786.877.204.604
Miền Trung	-	5.421.666.524
Miền Nam	1.859.180.142.776	1.301.983.559.645
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	<u>(617.861.093.103)</u>	<u>(115.360.550.155)</u>
	<b><u>5.403.930.951.062</u></b>	<b><u>2.978.921.880.618</u></b>

**32. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
USD	USD	31.055.536	36.844.667
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	VND	<b>10.787.395.478</b>	<b>10.787.395.478</b>

**33. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	5.299.431.505.058	2.864.012.849.439
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	19.378.659.521	39.839.155.470
Hoạt động dịch vụ	65.060.109.583	35.840.285.363
Hoạt động tư vấn xây dựng	48.636.364	79.743.588
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	11.889.147.360	9.213.654.556
Hoạt động khác	8.122.893.176	29.936.192.202
	<b><u>5.403.930.951.062</u></b>	<b><u>2.978.921.880.618</u></b>

**34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	5.047.102.141.919	2.768.569.975.566
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	24.540.399.489	38.320.304.030
Hoạt động dịch vụ	53.466.827.238	40.197.293.423
Hoạt động tư vấn xây dựng	46.204.545	72.678.182
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	13.375.846.301	9.865.504.981
Hoạt động khác	2.743.897.320	21.455.890.622
	<b><u>5.141.275.316.812</u></b>	<b><u>2.878.481.646.804</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý/mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	264.045.339.134
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	12.093.467.080	18.076.584.904
Cổ tức, lợi nhuận được chia	395.685.000	2.466.128.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.332.135.439	10.003.550.719
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	10.956.950.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	202.810.658	2.406.480.258
	<b>28.024.098.177</b>	<b>307.955.033.015</b>

**36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	55.181.710.008	33.151.655.540
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.272.271.282)	185.644.229.919
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	25.171.648.600	-
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	-	121.009.742.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.221.710.098	-
Chi phí tài chính khác	967.355.172	9.842.611.854
	<b>92.270.152.596</b>	<b>349.648.239.416</b>

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	768.557.556.868	555.678.608.183
Chi phí nhân công	462.785.732.594	364.974.071.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.460.386.439	59.179.742.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.807.255.130.240	2.276.072.703.911
Chi phí dự phòng	(27.875.434.031)	415.761.503.884
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	151.326.379.595	260.028.504.710
	<b>5.219.509.751.705</b>	<b>3.931.695.134.190</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>33.952.770.823</b>	<b>(383.727.489.896)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(47.433.167.203)	(16.484.039.050)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.778.366.905)	(16.484.039.050)
- Lỗ được kết chuyển	(45.654.800.298)	-
Cộng:	15.608.176.777	150.950.797.283
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	2.913.634.060	2.913.634.060
- Chi phí không được khấu trừ	10.774.917.677	27.027.421.120
- Các khoản dự phòng	-	121.009.742.103
- Chênh lệch tạm thời giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận thuế	1.919.625.040	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.127.780.397</b>	<b>(249.260.731.663)</b>
- Lỗ	(122.781.034.423)	(331.505.598.951)
- Lãi tính thuế	124.908.814.820	82.244.867.288
Thuế suất (*)	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.479.939.260	18.093.870.803
Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	1.146.543.121	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>28.626.482.381</b>	<b>18.093.870.803</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(4.540.579.120)	17.050.303.575
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>24.085.903.261</b>	<b>35.144.174.378</b>

**39. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Đơn vị	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	6.937.046.930	(355.365.960.573)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	399.997.029	399.997.029
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	17	(888)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	VND	10.000	10.000

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 29 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.566.993.082.324	2.481.513.737.054
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	765.930.390.306	1.765.815.383.424
Nợ thuần	1.801.062.692.018	715.698.353.630
Vốn chủ sở hữu	2.842.283.167.230	2.857.382.444.250
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,63</b>	<b>0,25</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	765.930.390.306	1.765.815.383.424
Đầu tư tài chính	141.539.856.973	177.332.494.035
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	2.456.816.941.267	2.005.710.326.832
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.364.287.188.546</b>	<b>3.948.858.204.291</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.566.993.082.324	2.481.513.737.054
Phải trả người bán và phải trả khác	3.627.390.063.549	3.695.264.953.343
Chi phí phải trả	846.595.967.136	745.026.373.017
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.040.979.113.009</b>	<b>6.921.805.063.414</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.704.475.600.456	1.556.376.114.410	1.716.384.796.256	840.666.486.045

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Năm 2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	595.459.790	(71.570.962.836)

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Toàn bộ các khoản vay của Tổng Công ty được thực hiện theo hình thức vay với lãi suất cố định.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng với số tiền tương ứng như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
VND	+200	(15.712.591.003)
VND	-200	15.712.591.003
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(29.715.595.101)
VND	-200	29.715.595.101

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Quyết định số 569/QĐ-XLTK ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016 (như trình bày tại Thuyết minh số 43).

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	765.930.390.306	-	765.930.390.306
Đầu tư tài chính	69.866.877.315	71.672.979.658	141.539.856.973
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.339.435.216.822	1.117.381.724.445	2.456.816.941.267
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.175.232.484.443</b>	<b>1.189.054.704.103</b>	<b>3.364.287.188.546</b>

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	978.125.018.812	1.588.868.063.512	2.566.993.082.324
Phải trả người bán và phải trả khác	3.580.028.865.674	47.361.197.875	3.627.390.063.549
Chi phí phải trả	701.780.158.652	144.815.808.484	846.595.967.136
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.259.934.043.138</b>	<b>1.781.045.069.871</b>	<b>7.040.979.113.009</b>

**Chênh lệch thanh khoản thuần** (3.084.701.558.695) (591.990.365.768) (3.676.691.924.463)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	-	1.765.815.383.424
Đầu tư tài chính	93.011.049.600	84.321.444.435	177.332.494.035
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.370.965.621.703	634.744.705.129	2.005.710.326.832
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.229.792.054.727</b>	<b>719.066.149.564</b>	<b>3.948.858.204.291</b>

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.069.295.087.103	1.412.218.649.951	2.481.513.737.054
Phải trả người bán và phải trả khác	3.619.348.870.147	75.916.083.196	3.695.264.953.343
Chi phí phải trả	671.099.645.571	73.926.727.446	745.026.373.017
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.359.743.602.821</b>	<b>1.562.061.460.593</b>	<b>6.921.805.063.414</b>

**Chênh lệch thanh khoản thuần** (2.129.951.548.094) (842.995.311.029) (2.972.946.859.123)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.823.365.587.662	1.916.067.439.991
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.401.371.716	1.243.869.914

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	602.955.060.089	600.669.899.743
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	56.165.739.365	68.486.353.606
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	2.752.986.271.547	3.908.101.452.112
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	66.745.833.687	116.399.154.802
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.847.439.854	177.867.318.654
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	132.099.885.583	141.857.593.214
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.588.635.649	3.258.904.048
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.068.154.052	2.068.154.052
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.500.000.000	14.425.973.396
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	65.009.860.837	65.009.860.837
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	205.601.441.596	244.064.286.717
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam		
- Vay ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Vay dài hạn	90.000.000.000	-

**42. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Đư nợ bảo lãnh	Đư nợ vay quá hạn	Dự phòng nghĩa vụ
			tại ngày 30/6/2015	tại ngày 30/6/2015	nợ phải trả tại ngày 30/6/2015
			VND	VND	VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	36.834.232.037
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	34.972.943.665
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	7.156.483.663
PVC-Metal	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/9/2012	18.418.688.119	18.418.688.119	-
PVC - KBC	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Từ ngày 19/12/2011 đến ngày 30/6/2012	31.954.650.159	31.954.650.159	-
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/12/2012	127.726.771.148	127.726.771.148	127.726.771.148
PVC-SG	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>415.955.201.420</b>	<b>415.955.201.420</b>	<b>206.690.430.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**42. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)**

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND. Ngoài ra, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 416 tỷ VND. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải chấp các thư bảo lãnh. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến vấn đề này.

**43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 sẽ được điều chỉnh trong tương lai. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở tổ chức lại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)/Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC - Phú Đạt)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này).

Giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.

**44. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 16 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 569/QĐ-XLTK phê duyệt sửa đổi, bổ sung phương án Tái cơ cấu, thoái vốn các đơn vị/khoản đầu tư của Tổng Công ty. Theo quyết định này, trong năm 2015 Tổng Công ty sẽ thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Bắc trên cơ sở tái cơ cấu/tổ chức lại PVSD và PVC Duyên Hải (2 công ty liên kết của Tổng Công ty). Trong năm 2015 - 2016, Tổng Công ty sẽ tổ chức lại PVC - Phú Đạt để thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Trung. Đồng thời Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không nằm trong danh sách công ty con trong phương án tái cấu trúc đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt trong năm 2015 và 2016 thông qua các hình thức đấu giá công khai/chào bán cạnh tranh/thỏa thuận/giải thể/phá sản. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

**45. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**45. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau
	VND	VND	phân loại lại VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>			
Chứng khoán kinh doanh	289.716.053.745	(36.072.919.945)	253.643.133.800
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(165.632.084.200)	5.000.000.000	(160.632.084.200)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.564.574.001.595	137.279.432.106	1.701.853.433.701
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.421.428.082.627	(2.810.294.338)	2.418.617.788.289
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	114.511.169.735	114.511.169.735
Phải thu ngắn hạn khác	1.263.897.254.478	(596.901.494.586)	666.995.759.892
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.340.740.838.185)	228.346.096.560	(1.112.394.741.625)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	3.207.384.272	3.207.384.272
Hàng tồn kho	4.880.195.894.094	(754.781.626.579)	4.125.414.267.515
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(263.235.405.609)	120.012.985.248	(143.222.420.361)
Tài sản ngắn hạn khác	141.291.060.176	(91.485.850.664)	49.805.209.512
Trả trước cho người bán dài hạn	-	2.810.294.338	2.810.294.338
Phải thu về cho vay dài hạn	-	504.156.498.658	504.156.498.658
Phải thu dài hạn khác	4.633.333.333	184.852.351.612	189.485.684.945
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	(228.346.096.560)	(228.346.096.560)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	1.267.403.375.089	1.267.403.375.089
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	518.101.721.584	(268.151.753.385)	249.949.968.199
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(160.628.523.764)	(5.000.000.000)	(165.628.523.764)
Chi phí trả trước dài hạn	294.243.458.839	25.097.129.385	319.340.588.224
Tài sản dài hạn khác	224.787.420.238	48.605.182.197	273.392.602.435
Phải trả người bán ngắn hạn	2.185.781.126.425	176.179.097.064	2.361.960.223.489
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.925.028.993.793	458.835.351.685	5.383.864.345.478
Chi phí phải trả ngắn hạn	760.991.848.577	(89.892.203.006)	671.099.645.571
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	4.892.723.700	4.892.723.700
Phải trả ngắn hạn khác	1.458.658.091.039	(191.649.231.105)	1.267.008.859.934
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.069.295.087.103	1.069.295.087.103
Vay và nợ ngắn hạn	1.069.295.087.103	(1.069.295.087.103)	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	148.781.860.539	148.781.860.539
Chi phí phải trả dài hạn	-	73.926.727.446	73.926.727.446
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	134.734.498.570	10.177.948.474	144.912.447.044
Phải trả dài hạn khác	72.756.254.041	549.461.867	73.305.715.908
Dự phòng phải trả dài hạn	16.676.225.820	15.965.475.560	32.641.701.380
Quỹ đầu tư phát triển	89.789.167.270	61.881.646.560	151.670.813.830
Quỹ dự phòng tài chính	61.881.646.560	(61.881.646.560)	-
Lỗi lũy kế	(3.040.815.471.638)	38.145.614.518	(3.002.669.857.120)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.694.122.636.989	11.819.036.401	1.705.941.673.390

*[Handwritten signature]*

**Bùi Hoàng Giang**  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2015

*[Handwritten signature]*

**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng



**Nguyễn Anh Minh**  
 Tổng Giám đốc